

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận niêm yết chứng quyền có bảo đảm

**TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết;

Căn cứ hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý niêm yết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phát hành theo các nội dung sau:

- Loại chứng quyền: **Chứng quyền mua**
- Kiểu chứng quyền: **Chứng quyền mà người sở hữu chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn**
- Phương thức thực hiện chứng quyền: **Bằng tiền**
- Danh sách chứng quyền có bảo đảm được chấp thuận đăng ký niêm yết:



STT	Tên chứng quyền	Mã CK cơ sở	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Số lượng chứng quyền niêm yết
1	Chứng quyền.HDB.KIS.7M.29	HDB	7	28/12/2026	8:1	31.999	2.000.000
2	Chứng quyền.SHB.KIS.5M.23	SHB	5	28/10/2026	4:1	15.999	4.000.000
3	Chứng quyền.LPB.KIS.6M.07	LPB	6	30/11/2026	5:1	61.999	3.000.000
4	Chứng quyền.VIC.KIS.8M.47	VIC	8	28/01/2027	20:1	252.789	4.000.000
5	Chứng quyền.VHM.KIS.7M.44	VHM	7	28/12/2026	20:1	176.868	4.000.000
6	Chứng quyền.VHM.KIS.6M.43	VHM	6	30/11/2026	20:1	173.979	2.000.000
7	Chứng quyền.VIC.KIS.7M.46	VIC	7	28/12/2026	20:1	250.789	4.000.000
8	Chứng quyền.VIC.KIS.6M.45	VIC	6	30/11/2026	20:1	248.888	3.000.000
9	Chứng quyền.VNM.KIS.6M.39	VNM	6	30/11/2026	10:1	70.111	2.000.000
10	Chứng quyền.VHM.KIS.4M.42	VHM	4	28/09/2026	20:1	169.999	3.000.000
11	Chứng quyền.VNM.KIS.4M.40	VNM	4	28/09/2026	10:1	66.999	2.000.000
12	Chứng quyền.VJC.KIS.7M.27	VJC	7	28/12/2026	20:1	205.678	4.000.000
13	Chứng quyền.MSN.KIS.7M.45	MSN	7	28/12/2026	10:1	91.789	4.000.000
14	Chứng quyền.VJC.KIS.6M.26	VJC	6	30/11/2026	20:1	200.999	2.000.000
15	Chứng quyền.HPG.KIS.6M.57	HPG	6	30/11/2026	4:1	28.333	4.000.000
16	Chứng quyền.MSN.KIS.6M.44	MSN	6	30/11/2026	10:1	89.999	3.000.000
17	Chứng quyền.MSN.KIS.4M.43	MSN	4	28/09/2026	10:1	86.789	3.000.000
18	Chứng quyền.HPG.KIS.5M.56	HPG	5	28/10/2026	4:1	27.999	4.000.000
19	Chứng quyền.HPG.KIS.4M.55	HPG	4	28/09/2026	4:1	26.999	4.000.000
20	Chứng quyền.FPT.KIS.5M.08	FPT	5	28/10/2026	16:1	82.456	3.000.000
21	Chứng quyền.FPT.KIS.7M.09	FPT	7	28/12/2026	16:1	85.678	4.000.000
22	Chứng quyền.VPB.KIS.4M.24	VPB	4	28/09/2026	5:1	31.999	3.000.000

STT	Tên chứng quyền	Mã CK cơ sở	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Số lượng chứng quyền niêm yết
23	Chứng quyền.VPB.KIS.7M.26	VPB	7	28/12/2026	5:1	33.456	4.000.000
24	Chứng quyền.STB.KIS.7M.55	STB	7	28/12/2026	10:1	81.888	4.000.000
25	Chứng quyền.VPB.KIS.6M.25	VPB	6	30/11/2026	5:1	32.888	3.000.000
26	Chứng quyền.SSB.KIS.5M.14	SSB	5	28/10/2026	4:1	16.888	4.000.000
27	Chứng quyền.SSB.KIS.4M.13	SSB	4	28/09/2026	4:1	15.999	4.000.000
28	Chứng quyền.VRE.KIS.6M.48	VRE	6	30/11/2026	5:1	37.456	4.000.000
29	Chứng quyền.TPB.KIS.6M.15	TPB	6	30/11/2026	4:1	18.888	2.000.000
30	Chứng quyền.SHB.KIS.7M.25	SHB	7	28/12/2026	4:1	16.789	4.000.000
31	Chứng quyền.SSB.KIS.6M.15	SSB	6	30/11/2026	4:1	17.111	4.000.000
32	Chứng quyền.TPB.KIS.7M.16	TPB	7	28/12/2026	4:1	19.399	3.000.000
33	Chứng quyền.STB.KIS.5M.53	STB	5	28/10/2026	8:1	78.888	4.000.000
34	Chứng quyền.SSB.KIS.7M.16	SSB	7	28/12/2026	4:1	17.777	4.000.000
35	Chứng quyền.STB.KIS.6M.54	STB	6	30/11/2026	8:1	80.888	4.000.000
36	Chứng quyền.STB.KIS.4M.52	STB	4	28/09/2026	8:1	77.777	4.000.000
37	Chứng quyền.ACB.KIS.5M.01	ACB	5	28/10/2026	4,3113:1	24.909	1.000.000
38	Chứng quyền.SHB.KIS.4M.22	SHB	4	28/09/2026	4:1	14.999	4.000.000
39	Chứng quyền.ACB.KIS.7M.02	ACB	7	28/12/2026	4,3113:1	25.964	1.000.000
40	Chứng quyền.LPB.KIS.7M.08	LPB	7	28/12/2026	8:1	63.979	4.000.000
41	Chứng quyền.SHB.KIS.6M.24	SHB	6	30/11/2026	4:1	16.333	4.000.000
42	Chứng quyền.VRE.KIS.7M.47	VRE	7	28/12/2026	5:1	35.999	4.000.000
43	Chứng quyền.VIC.KIS.4M.43	VIC	4	28/09/2026	20:1	244.567	3.000.000
44	Chứng quyền.VIC.KIS.5M.44	VIC	5	28/10/2026	20:1	246.789	2.000.000
45	Chứng quyền.VJC.KIS.5M.25	VJC	5	28/10/2026	20:1	197.939	3.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã CK cơ sở	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Số lượng chứng quyền niêm yết
46	Chứng quyền.HPG.KIS.7M.58	HPG	7	28/12/2026	4:1	28.888	4.000.000
47	Chứng quyền.HDB.KIS.5M.28	HDB	5	28/10/2026	5:1	29.999	2.000.000

Điều 2. Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam, Giám đốc Phòng Quản lý niêm yết, Giám đốc Phòng Hệ thống giao dịch, Giám đốc Phòng Giám sát giao dịch, Giám đốc Phòng Thông tin thị trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *vu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBCKNN;
- VNX;
- VSDC;
- Lưu: VT, NY (09) *de*

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Việt Hà